

**DANH MỤC NGUYÊN LIỆU LÀM THUỐC ĐƯỢC PHÉP NHẬP KHẨU KHÔNG YÊU CẦU GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU
THUỐC TRONG NƯỚC ĐÃ ĐƯỢC CẤP SỐ ĐĂNG KÝ trước 01/07/2014**

(Đính kèm công văn số 8473 /QLD-ĐK ngày 20 tháng 06 năm 2017 của Cục Quản lý Dược)

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Simegaz Plus	VD-13848-11	04/09/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Gel Aluminium hydroxyd dry	USP 31/NF26	Nitika Pharmaceutical Specialities PVT. Ltd	85, Wanjra Layout, Pilli Nadi Industrial Area, Kamptee Road, Nagpur – 440026 Maharashtra, India	India
Simegaz Plus	VD-13848-11	04/09/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Gel Aluminium hydroxyd dry	USP 31/NF26	SPI Pharma	Chemin Du Vallon du Maire, 13240 Septemes Les Vallons, France	France
Simegaz Plus	VD-13848-11	04/09/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Magnesi hydroxyd	EP 6	Nitika Pharmaceutical Specialities Pvt. Ltd.	85, Wanjra Layout, Pilli Nadi Industrial Area, Kamptee Road, Nagpur – 440026 Maharashtra, India	India
Simegaz Plus	VD-13848-11	04/09/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Magnesi hydroxyd	EP 6	Par Drugs & Chemicals Pvt. Ltd.	805, Dwarkesh Complex, Rc Dutt Road, Vadodara - 390007 Gujarat, India.	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Simegaz Plus	VD-13848-11	04/09/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Simethicon 30%	USP 31/NF26	Rhodia	40 Rue De La Haie COQ, 93306 Aubervilliers Cedex, France	France
Simegaz Plus	VD-13848-11	04/09/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Simethicon 30%	USP 31/NF26	Basildon Chemical Company Limited	Kimber Road Abingdon Oxon OX14 1RZ United Kingdom	United Kingdom
Dorobay 100mg	VD-14005-11	09/09/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Acarbose	EP7→9	HEBEI HUARONG PHARMACEUTI CAL CO., LTD	East Road, North 2nd Circle, Shijiazhuang, Hebei Province, China	CHINA
Dorobay 100mg	VD-14005-11	09/09/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Acarbose	EP7→9	CKD BIO CORPORATION- KOREA	292, Sinwon-ro, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	KOREA
Dorobay 50mg	VD-14006-11	09/09/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Acarbose	EP7→9	HEBEI HUARONG PHARMACEUTI CAL CO., LTD	East Road, North 2nd Circle, Shijiazhuang, Hebei Province, China	CHINA
Dorobay 50mg	VD-14006-11	09/09/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Acarbose	EP7→9	CKD BIO CORPORATION- KOREA	292, Sinwon-ro, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	KOREA

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Dorolid 150 mg	VD-14008-11	09/09/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Roxithromycin	EP8/9	ZHEJIANG GUOBANG PHARMACEUTI CAL CO., LTD	No. 6, Weiwu Road, Hangzhou Gulf, Shangyu Industrial Zone, Zhejiang, China (312369) Hoặc: Weiwu Road, Fine Chemical Zone, Shangyu, Zhejiang, China (312369)	CHINA
Gastrigold	VD-14350-11	04/09/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Magnesi dimecrotat	NSX	Ildong Pharmaceutical Co.,Ltd	53, Gongdan-ro 98beon- gil, Heungdeok-gu, Cheongju-si, Chungcheongbuk-do, Korea	Korea
Rabeflex	VD-14441-11	17/10/2017	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Trung ương Vidipha tỉnh Bình Dương	Rabeprazol natri	NSX	Metrochem API Private Limited	Plot No 62/C/6, Pipe Line road, Phase-I, IDA, Jeedimelta. Hyderabad- 500055, T.S	India
Dopagan- Effervescent	VD-15047-11	26/07/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Paracetamol	EP8/9 USP38/39	MALLINCKRO DT INC.	Raleigh Pharmaceutical Plant 8801 Capital Boulevard Raleigh, NC 27616-3116, USA	USA

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Dopagan- Effervescent	VD-15047-11	26/07/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Paracetamol	BP2014→2017	ANQIU LU'AN PHARMACEUTI CAL CO., LTD	No. 35, Weixu North Road, Anqiu, Shandong China	CHINA
Dopagan- Effervescent	VD-15047-11	26/07/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Paracetamol	USP36→39 BP2012→2017	HEBEI JIHENG (GROUP) PHARMACEUTI CAL CO., LTD	No.368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Province, 053000 P.R. China	CHINA
Loperamid 2mg	VD-15048-11	26/07/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Loperamide Hydrochloride/Lope ramide HCl	USP37→39	VASUDHA PHARMA CHEM LIMITED	Unit-1, Plot No 39, A&B, Phase-I, I.D.A, Jeedimetla, Hyderabad- 500 055, India	INDIA
Simhasan 10	VD-15055-11	18/07/2017	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Simvastatin	USP 36 USP 37 USP 38 USP 39	Shangyu Jingxin Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 31, Weisan Road, Zhejiang Hangzhou Bay Shangyu Industrial Area, Shangyu City, Zhejiang Province	China
Simhasan 20	VD-15056-11	18/07/2017	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Simvastatin	USP 36 USP 37 USP 38 USP 39	Shangyu Jingxin Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 31, Weisan Road, Zhejiang Hangzhou Bay Shangyu Industrial Area, Shangyu City, Zhejiang Province	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Rezotum 250/125	VD-15202-11	14/10/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Amoxicillin Trihydrate (Amox/Purimox)	IP2014/ USP38/ EP8/ BP2016	DSM Sinochem Pharmaceuticals India Private Limited (India)	Bhai Mohan Singh Nagar, Toansa, Distt. Nawanshahr, Punjab 144 533 India	India
Rezotum 250/125	VD-15202-11	14/10/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Sulbactam pivoxil	NSX	Zhejiang Xinhua Pharmaceutical Co.,Ltd. -China.	Zhejiang Provincial Chemical and Medical Materials Base Linhai Zone, Linhai Zhejiang Province, China	China
Vitamin B6 100mg/1ml	VD-15203-11	14/10/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Pyridoxine hydrochloride	ĐBVN IV / BP2016	DSM- Germany	D-79629 Grenzach - Wyhlen Telefon	Germany
Amlodipin 5mg	VD-15242-11	26/10/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Amlodipine besilate	EP7→9	CADILA PHARMAEUTIC ALS LIMITED	294, G.I.D.C., Estate, Ankleshwar - 393 002 Gujarat, India	INDIA
Dosidiol	VD-15243-11	26/10/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Nefopam Hydrochloride (HCl)	CP2015	ANHUI WANHE PHARMACEUTI CAL CO., LTD.	Yangcun Industry Park, Tianchang Anhui , China	CHINA
Dourso - S	VD-15244 -11	26/10/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Acid ursodeoxycholic Ursodeoxycholic acid	EP8/9	ZHONGSHAN BELLING BIOTECHNOLO GY CO.,LTD	No. 28 Jiuzhou Road, Torch Development Zone, Zhongshan city, Guangdong province P.R China	CHINA

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Dourso - S	VD-15244 -11	26/10/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Acid ursodeoxycholic Ursodeoxycholic acid	USP 36→39 BP2012→2017	DIPHARMA FRANCIS S.R.L	Via Origgio 23 21042 Caronno Pertusella (VA) - Italy	ITALY
Dourso - S	VD-15244 -11	26/10/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Acid ursodeoxycholic Ursodeoxycholic acid	EP8/9	ICE S.P.A - ITALY	42122 Reggio Emilia- Italy- Via Sicilia 8/10	ITALY
Dourso - S	VD-15244 -11	26/10/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Vitamin B1/Vitamin B1 Mono/Thiamine mononitrate	BP2015→2017 EP8/9 USP38/39	JIANGXI TIANXIN PHARMACEUTI CAL CO., LTD	Le'anjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, 333300, China	CHINA
Dourso - S	VD-15244 -11	26/10/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Vitamin B1/ Thiamin mononitrat (Thiamine mononitrate)	EP7→9 BP2012→2017	TIANJIN ZHONGWEI PHARMACEUTI CAL CO., LTD	No.16 Huashan Road, Chemical Industry Park, Tianjin Economic & Technological Development Area, Tianjin , China	CHINA
Dourso - S	VD-15244 -11	26/10/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Vitamin B1/Vitamin B1 Mono/Thiamine mononitrate	BP2015→2017 USP38/39	HUAZHONG PHARMACEUTI CAL CO.,LTD	No.71 West Chunyuan Road, Xiangyang Hubei, China	CHINA

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Glucophage 850mg	VD-15246-11	26/10/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Metformin hydrochloride (HCL)	BP2014→2017	AURO LABORATORIE S LIMITED	K-56, M.I.D.C, Tarapur, Dist Thane, Maharashtra - 401 506, India	INDIA
Glucophage 850mg	VD-15246-11	26/10/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Metformin hydrochloride (HCL)	BP2014→2017	ABHILASH CHEMICALS AND PHARMACEUTI CALS PRIVATE LIMITED	34/6A, Nayakkanpatty Village, Madurai North Taluk, Madurai-625301, India	INDIA
Glucophage 850mg	VD-15246-11	26/10/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Metformin hydrochloride (HCL)/Metformin hydrochloride (HCL) micronized	BP2012→2017	DANASHMAND ORGANIC PRIVATE LIMITED	101-102/MIDC Area, Dhatav, Roha, District Raigad-402116	INDIA
Piroxicam 20mg	VD-15247-11	26/10/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Piroxicam	USP38/39	APEX HEALTHCARE LIMITED	4710, GIDC Estate, Ankleshwar - 393 002 Gujarat India	INDIA

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Piroxicam 20mg	VD-15247-11	26/10/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Piroxicam	USP36→39	NANTONG JINGHUA PHARMACEUTI CAL CO.,LTD	2-02# Crossroad Between 3 Haibin Road and 2 Tonghai Road, Yantai Economic Development Zone, Rudong, Nantong Jiangsu China, 226407	CHINA
Vitamin B6 250mg	VD-15249-11	26/10/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Vitamin B6 (Pyridoxine hydrochloride)/Vita min B6 HCL	USP38/39 BP2015→2017	JIANGXI TIANXIN PHARMACEUTI CAL CO., LTD	Le'anjiang Industria Zone, Leping, Jiangxi, 333300 China	CHINA
Imidu® 60 mg	VD-15289-11	30/08/2017	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Isosorbide 5- mononitrate	EP 7 EP 8 EP 9	Hangzhou Green Biotechnology Co., Ltd	AX 431-432 Room, Zhejiang University National Park, No. 525, Xixi road, Hangzhou, 310013	China
UPHADOL EXTRA	VD-15480-11	09/11/2017	Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25	Paracetamol	USP 32	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd	No. 368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Province	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
UPHADOL EXTRA	VD-15480-11	09/11/2017	Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25	Caffeine	USP 32	CSPC Innovation Pharmaceutical Manufacturing Co., Ltd	No. 36, Fuqiang West Road, Luancheng, Shijiazhuang, Hebei	China
Aspamic	VD-15546-11	06/10/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Aspartam	EP7→9 USP35→39 NF33/FCC IX/FAO	VITASWEET CO., LTD	Peking Times Square, No. 103, Huizhongli, Chaoyang District, Beijing 100101.P.R.China	CHINA
Captopril 25mg	VD-15547-11	06/10/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Captopril	USP38/39	CHANGZHOU PHARMACEUTI CAL FACTORY	No. 518, Laodong East Road, Changzhou, Jiangsu Province, PR China.	CHINA
Cefalexin 500mg	VD-15548-11	06/10/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Cefalexin monohydrate (Purilex compacted)	EP8/9 USP37→39 BP2015→2017	DSM SINOCHEM PHARMACEUTI CALS (ZIBO) CO., LTD	No 1033, Mu Long Shan Road, High & New Technology Industrial Development Zone, Zibo Shandong, P.R China	CHINA
Cefalexin 500mg	VD-15548-11	06/10/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Cefalexin monohydrate (Purilex compacted)	USP37→39 BP2014→2017 EP7→9	DSM SINOCHEM PHARMACEUTI CALS SPAIN S.A	Calle Ripolles, 2 Poligono Industrial Urvasa, Sta Perpetua de Mogoda, 08130 Barcelona, Spain	SPAIN

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Cefalexin 500mg	VD-15548-11	06/10/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Cefalexin monohydrate compacted	BP2013→2017	NCPC HEBEI HUAMIN PHARMACEUTI CAL CO., LTD	No.18, Yangzi Road, Shijiazhuang Economic & Technological Development Zone, Hebei, P.R - China	CHINA
Cefalexin 500mg	VD-15548-11	06/10/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Cefalexin monohydrate compacted	BP2013→2017	ZHEJIANG ANGLIKANG PHARMACEUTI CAL CO., LTD	1000 North Shengzhou Avenue, Shengzhou, Zhejiang, China	CHINA
Cefalexin 500mg	VD-15548-11	06/10/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Cefalexin monohydrate compacted	BP2015→2017	AUROBINDO PHARMA LTD	Unit-XI, Survey No.1/22, 2/1 to 5,6 to 18, 61 to 69, Pydibhimavaram-532 409, Ranasthalam, Srikakulam Dist, A.P, India	INDIA
Cefalexin 500mg	VD-15548-11	06/10/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Cephalexin (Cephalexin monohydrate)	BP2012→2017	LUPIN LIMITED	Unit-1, 198-202 New Industrial Area No. 2, Mandideep - 462046, District: Raichur [M.P] India	INDIA
Chlorpheniramin maleat 4 mg	VD-15549-11	06/10/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Chlorpheniramine maleate	BP2014→2017	SUPRIYA LIFESCIENCE LTD	A 5/2, Lote Parshuram Industrial Area, M.I.D.C, Tal - Khed, Dist - Ratnagiri, 415 722, Maharashtra, India	INDIA

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Dobelaf	VD-15550-11	30/12/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Lucarotin 30 SUN (Betacaroten)	USP36→39 NF30/31 EP7→9	BASF SE	Carl-Bosch-Str.38 67056 Ludwigshafen Germany	GERMAN Y
Dobelaf	VD-15550-11	30/12/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Vitamin E/Vitamin E-Acetate/ DL- Alpha (α) tocopheryl acetate	USP37→39 EP7→9	ZHEJIANG MEDICINE CO., LTD. XINCHANG PHARMACEUTI CAL FACTORY	98 East Xinchang Dadao Road, Xinchang, Zhejiang 312500 P.R China	CHINA
Dobelaf	VD-15550-11	30/12/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Vitamin E/Vitamin E-Acetate/ DL- Alpha (α) tocopheryl acetate	USP36→39 NF30/31 EP7→9	BASF SE	Carl-Bosch-Str.38 67056 Ludwigshafen Germany	GERMAN Y
Dobelaf	VD-15550-11	30/12/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Vitamin C (Ascorbic acid)	BP2013→2017 USP38/39 EP8/9/ FCC9/E300	DSM JIANGSHAN PHARMACEUTI CAL (JIANGSU) CO., LTD	Jiangshan Road, Jingjiang Jiangsu (214500) P.R. China	CHINA
Dobelaf	VD-15550-11	30/12/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Vitamin C (Ascorbic acid)	EP8/9 USP38/39	NORTHEAST PHARMACEUTI CAL GROUP CO., LTD	No.37 Zhonggong Bei (North) Street, Tiexi District, Shenyang ,China	CHINA
Dobelaf	VD-15550-11	30/12/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Lalmin Se 2000 (Selenium)	IN HOUSE	LALLEMAND	5494 Notre-Dame Est Montreal Qc H1N 2C4 Canada	CANADA

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Dodacin	VD-15551-11	06/10/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Sultamicillin tosilate (Sultamicillin tosilate dihydrate)	EP7→9	ZHEJIANG LANGHUA PHARMACEUTI CAL CO., LTD.	Zhejiang Provincial Chemical and Medical Materials Base Linhai Zone Linhai, Zhejiang China 317016	CHINA
Dodacin	VD-15551-11	06/10/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Sultamicillin tosilate (Sultamicillin tosilate dihydrate)	EP7→9	JIANGXI FUSHINE PHARMACEUTI CAL CO., LTD	No.2 Yuli Industrial Zone, Changjiang District, Jingdezhen City 333000, Jiangxi, China	CHINA
Dorogyne F	VD-15554-11	06/10/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Spiramycin (Spiramycin base)	EP7→9	WUXI FORTUNE PHARMACEUTI CAL CO., LTD.	No. 2 Rongyang 1ST Road, Xishan Economic Zone, Wuxi City, Jiangsu Province, China	CHINA
Dorogyne F	VD-15554-11	06/10/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Spiramycin (Spiramycin base)	EP7→9	TOPFOND PHARMACEUTI CAL CO., LTD	No.1199 Jiaotong Poad(West), Yicheng District Zhumadian, Henan Province China	CHINA

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Lisinopril 5mg	VD-15557-11	06/10/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Lisinopril dihydrate/Lisinopril	USP38/39	ZHEJIANG HUAHAI PHARMACEUTI CAL CO., LTD	Chuannan, Duqiao, Linhai Zhejiang 317016, China	CHINA
Lisinopril 5mg	VD-15557-11	06/10/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Lisinopril dihydrate/Lisinopril	EP8/9 USP38/39	LUPIN LIMITED	Unit-2,198-202 New Industrial Area No.2, Mandideep-462046, District: Raisen [M.P] India	INDIA
Prednison 5mg	VD-15558-11	06/10/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Prednisone	USP 38/39	HENAN LIHUA PHARMACEUTI CAL CO., LTD	Middle of Huanghe Street, Anyang Hi-Tech Industry Develoment zone Henan-China	CHINA
ACEHASAN 100	VD-15582-11	25/10/2017	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Acetylcysteine	EP 7 EP 8 EP 9	Fabbrica Italiana Sintetici S.p.A (F.I.S)	Via Dovaro, snc, 36045 Lonigo, Vicenza	Italy
ACEHASAN 200	VD-15583-11	25/10/2017	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Acetylcysteine	EP 7 EP 8 EP 9	Fabbrica Italiana Sintetici S.p.A (F.I.S)	Via Dovaro, snc, 36045 Lonigo, Vicenza	Italy
Captobasan comp 25/12.5	VD-15584-11	25/10/2017	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Captopril	USP 36 USP 37 USP 38 USP 39	Changzhou Pharmaceutical Factory	No.518 East Laodong Road, Changzhou, Jiangsu Province	China
Captobasan comp 25/12.5	VD-15584-11	25/10/2017	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Hydrochlorothiazid e	EP 7 EP 8 EP 9	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	19 Pelplińska Str., 83- 200 Starogard Gdański	Poland

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Hasancetam 800	VD-15586-11	25/10/2017	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Piracetam	EP 7 EP 8 EP 9	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	19 Pelplińska Str., 83- 200 Starogard Gdański	Poland
Bicelor	VD-15765-11	11/07/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Cefaclor	USP38	1/ Lupin Limited - India 2/ DSM Sinochem pharmaceuticals India Private Limited - India.	1/ 198-202 New industrial Are No.2, Mandideep - 462046, District: Kaisen - India 2/ Bhai Mohan Singh Nagar, Toansa, Distt. Nawanshahr, Punjab 144 533 India.	1/ India 2/ India
Bicelor	VD-15766-11	14/10/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Cefaclor	USP38	1/ Lupin Limited - India 2/ DSM Sinochem pharmaceuticals India Private Limited - India.	1/ 198-202 New industrial Are No.2, Mandideep - 462046, District: Kaisen - India 2/ Bhai Mohan Singh Nagar, Toansa, Distt. Nawanshahr, Punjab 144 533 India.	1/ India 2/ India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Bicelor 250	VD-15767-11	14/10/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Cefaclor	USP38	1/ Lupin Limited - India 2/ DSM Sinochem pharmaceuticals India Private Limited - India.	1/ 198-202 New industrial Are No.2, Mandideep - 462046, District: Kaisen - India 2/ Bhai Mohan Singh Nagar, Toansa, Distt. Nawanshahr, Punjab 144 533 India.	1/ India 2/ India
Bicelor 500	VD-15768-11	11/07/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Cefaclor	USP38	1/ Lupin Limited - India 2/ DSM Sinochem pharmaceuticals India Private Limited - India.	1/ 198-202 New industrial Are No.2, Mandideep - 462046, District: Kaisen - India 2/ Bhai Mohan Singh Nagar, Toansa, Distt. Nawanshahr, Punjab 144 533 India.	1/ India 2/ India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Cefadroxil 250mg	VD-15771-11	14/10/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Cefadroxil Monohydrate	IP2014/ EP8/ USP38/ BP2016	1/ Lupin Limited - India 2/ DSM Synochem pharmaceuticals Spain S.A (Spain)	1/- Word: 124,GIDC Estate, Ankleshwar 393002 (Gujarat) - Corporate poffice: 159 CST Road, Kalina, Santacruz (E) Mumbai 400 098. India 2/ Ripollès (Pol. Ind. Can Bernadaes-Subira), 2. 08130. Santa Perpetua de Mogoda, Barcelona	1/ India 2/ Spain
Cefadroxil 500mg (Cefadroxil 500mg)	VD-15772-11	14/10/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Cefadroxil hemihydrate	USP38	1/ Lupin Limited - India 2/ DSM Synochem pharmaceuticals Spain S.A (Spain)	1/- Word: 124,GIDC Estate, Ankleshwar 393002 (Gujarat) - Corporate poffice: 159 CST Road, Kalina, Santacruz (E) Mumbai 400 098. India 2/ Ripollès (Pol. Ind. Can Bernadaes-Subira), 2. 08130. Santa Perpetua de Mogoda, Barcelona	1/ India 2/ Spain

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Cefadroxil 500mg	VD-15773-11	14/10/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Cefadroxil hemihydrate	USP38	1/ Lupin Limited - India 2/ DSM Synochem pharmaceuticals Spain S.A (Spain)	1/- Word: 124,GIDC Estate, Ankleshwar 393002 (Gujarat) - Corporate poffice: 159 CST Road, Kalina, Santacruz (E) Mumbai 400 098. India 2/ Ripollès (Pol. Ind. Can Bernadaes-Subira), 2. 08130. Santa Perpetua de Mogoda, Barcelona	1/ India 2/ Spain
Cefradin 500mg	VD-15783-11	11/07/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Cefradin	ĐDVN IV / BP2016	DSM Synochem pharmaceuticals Spain S.A (Spain)	Ripollès (Pol. Ind. Can Bernadaes-Subira), 2. 08130. Santa Perpetua de Mogoda, Barcelona	Spain

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Ceftume 125	VD-15784-11	11/07/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Cefuroxime axetil	USP38	1/ Parabolic drugs ltd-INDIA 2/ Nectar lifescience ltd- India 3/ Covalent Laboratories Private Ltd.	1/SCO 99-100, Level III & IV, Sector 17-B, Chandigarh - 160017(INDIA) 2/ Village Saidpura, Tehsil Derabassi, District S.A.S Nagar (Mohali) 2.SCO 99-100, Level 3/ Survey No. 374, Gundla Machanoor Village, Hathnoor Mandal, Medak Dist, Telangana, INDIA.	1/ India 2/ India 3/ India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Ceftume 250	VD-15786-11	04/04/2018	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Cefuroxime axetil	USP38	1/ Parabolic drugs ltd-INDIA 2/ Nectar lifescience ltd- India 3/ Covalent Laboratories Private Ltd.	1/SCO 99-100, Level III & IV, Sector 17-B, Chandigarh - 160017(INDIA) 2/ Village Saidpura, Tehsil Derabassi, District S.A.S Nagar (Mohali) 2.SCO 99-100, Level 3/ Survey No. 374, Gundla Machanoor Village, Hathnoor Mandal, Medak Dist, Telangana, INDIA.	1/ India 2/ India 3/ India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Ceftume 500 (Cefuroxim axetil tương đương Cefuroxim 500mg)	VD-15787-11	11/07/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Cefuroxime axetil	USP38	1/ Parabolic drugs ltd-INDIA 2/ Nectar lifescience ltd- India 3/ Covalent Laboratories Private Ltd.	1/SCO 99-100, Level III & IV, Sector 17-B, Chandigarh - 160017(INDIA) 2/ Village Saidpura, Tehsil Derabassi, District S.A.S Nagar (Mohali) 2.SCO 99-100, Level 3/ Survey No. 374, Gundla Machanoor Village, Hathnoor Mandal, Medak Dist, Telangana, INDIA.	1/ India 2/ India 3/ India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Cephalexin 250mg	VD-15796-11	14/10/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Cephalexin	ĐBVN IV / BP2016	1/NCPC Hebei Huamin Pharmaceutical Co., Ltd.	1/ No. 18, Yangzi Road, Shijiazhuang Economic & Technological Development Zone, Hebei, P.R.China	1/ China
						2/Zhejiang Anglikang Pharmaceutical Co., Ltd. -China.	2/ No.1000 North Shengzhou Ave Shengzhou, Zhejiang, 312400 China	2/ China
						3/ Aurobindo Pharma Limited	3/ Plot No.2 , Maltrivihar Complex, Hyderabad – 500 038, India	3/ India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Cephalexin 500mg	VD-15797-11	14/10/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Cephalexin	ĐBVN IV / BP2016	1/NCPC Hebei Huamin Pharmaceutical Co., Ltd.	1/ No. 18, Yangzi Road, Shijiazhuang Economic & Technological Development Zone, Hebei, P.R.China	1/ China
						2/Zhejiang Anglikang Pharmaceutical Co., Ltd. -China.	2/ No.1000 North Shengzhou Ave Shengzhou, Zhejiang, 312400 China	2/ China
						3/ Aurobindo Pharma Limited	3/ Plot No.2 , Maltrivihar Complex, Hyderabad – 500 038, India	3/ India
Fabadroxil (Cefadroxil 250mg)	VD-15799-11	19/4/2018	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Cefadroxil Monohydrate	IP2014/ EP8/ USP38/ BP2016	1/ Lupin Limited - India	1/- Word: 124,GIDC Estate, Ankleshwar 393002 (Gujarat) - Corporate poffice: 159 CST Road, Kalina, Santacruz (E) Mumbai 400 098. India	1/ India
						2/ DSM Synochem pharmaceuticals Spain S.A (Spain)	2/ Ripollès (Pol. Ind. Can Bernadaes-Subira), 2. 08130. Santa Perpetua de Mogoda, Barcelona	2/ Spain

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Fabadoxil	VD-15800-11	14/10/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Cefadroxil Monohydrate	IP2014/ EP8/ USP38/ BP2016	1/ Lupin Limited - India 2/ DSM Synochem pharmaceuticals Spain S.A (Spain)	1/- Word: 124,GIDC Estate, Ankleshwar 393002 (Gujarat) - Corporate poffice: 159 CST Road, Kalina, Santacruz (E) Mumbai 400 098. India 2/ Ripollès (Pol. Ind. Can Bernadaes-Subira), 2. 08130. Santa Perpetua de Mogoda, Barcelona	1/ India 2/ Spain
Fabadoxil	VD-15801-11	11/07/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Cefadroxil hemihydrate	USP38	1/ Lupin Limited - India 2/ DSM Synochem pharmaceuticals Spain S.A (Spain)	1/- Word: 124,GIDC Estate, Ankleshwar 393002 (Gujarat) - Corporate poffice: 159 CST Road, Kalina, Santacruz (E) Mumbai 400 098. India 2/ Ripollès (Pol. Ind. Can Bernadaes-Subira), 2. 08130. Santa Perpetua de Mogoda, Barcelona	1/ India 2/ Spain

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Fabafixim 200 (Cefixim 200mg)	VD-15803-11	19/4/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Cefixime trihydrate	USP38/ ĐĐVN IV	1/ Parabolic drugs ltd-INDIA 2/ Nectar lifescience ltd- India 3/ Covalent Laboratories Private Ltd.	1/ SCO 99-100, Level III & IV, Sector 17-B, Chandigarh - 160017(INDIA) 2/ SCO-38,39, Sector 9- D Chandigarh-160 009 (INDIA) 3/ Survey No - 374, Gundalamachnoor Village, Hathnoor Mandal, Gundla Machanur Road, Medak District, Telangana 502296, India	1/ India 2/ India 3/ India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Fabafixim 200	VD-15804-11	11/07/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Cefixime trihydrate	USP38/ ĐĐVN IV	1/ Parabolic drugs ltd-INDIA 2/ Nectar lifescience ltd- India 3/ Covalent Laboratories Private Ltd.	1/ SCO 99-100, Level III & IV, Sector 17-B, Chandigarh - 160017(INDIA) 2/ SCO-38,39, Sector 9- D Chandigarh-160 009 (INDIA) 3/ Survey No - 374, Gundalamachnoor Village, Hathnoor Mandal, Gundla Machanur Road, Medak District, Telangana 502296, India	1/ India 2/ India 3/ India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Fabafixim 400	VD-15805-11	11/07/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Cefixime trihydrate	USP38/ ĐĐVN IV	1/ Parabolic drugs ltd-INDIA 2/ Nectar lifescience ltd- India 3/ Covalent Laboratories Private Ltd.	1/ SCO 99-100, Level III & IV, Sector 17-B, Chandigarh - 160017(INDIA) 2/ SCO-38,39, Sector 9- D Chandigarh-160 009 (INDIA) 3/ Survey No - 374, Gundalamachnoor Village, Hathnoor Mandal, Gundla Machanur Road, Medak District, Telangana 502296, India	1/ India 2/ India 3/ India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Fabafixim 50 (Cefixim 50mg)	VD-15806-11	11/07/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Cefixime trihydrate	USP38/ ĐĐVN IV	1/ Parabolic drugs ltd-INDIA 2/ Nectar lifescience ltd- India 3/ Covalent Laboratories Private Ltd.	1/ SCO 99-100, Level III & IV, Sector 17-B, Chandigarh - 160017(INDIA) 2/ SCO-38,39, Sector 9- D Chandigarh-160 009 (INDIA) 3/ Survey No - 374, Gundalamachnoor Village, Hathnoor Mandal, Gundla Machanur Road, Medak District, Telangana 502296, India	1/ India 2/ India 3/ India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Fabafixim 50	VD-15807-11	11/07/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Cefixime trihydrate	USP38/ ĐĐVN IV	1/ Parabolic drugs ltd-INDIA 2/ Nectar lifescience ltd- India 3/ Covalent Laboratories Private Ltd.	1/ SCO 99-100, Level III & IV, Sector 17-B, Chandigarh - 160017(INDIA) 2/ SCO-38,39, Sector 9- D Chandigarh-160 009 (INDIA) 3/ Survey No - 374, Gundalamachnoor Village, Hathnoor Mandal, Gundla Machanur Road, Medak District, Telangana 502296, India	1/ India 2/ India 3/ India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Fabapoxim 100	VD-15808-11	11/07/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Cefpodoxime proxetil	USP38	1/ Parabolic drugs ltd-INDIA 2/ Covalent Laboratories Private Ltd.	1/ SCO 99-100, Level III & IV, Sector 17-B, Chandigarh - 160017(INDIA) 2/ Survey No - 374, Gundalamachnoor Village, Hathnoor Mandal, Gundla Machanur Road, Medak District, Telangana 502296, India	1/ India 2/ India
Fabapoxim 200 (Cefpodoxim proxetil tương đương Cefpodoxim 200mg)	VD-15809-11	11/07/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Cefpodoxime proxetil	USP38	1/ Parabolic drugs ltd-INDIA 2/ Covalent Laboratories Private Ltd.	1/ SCO 99-100, Level III & IV, Sector 17-B, Chandigarh - 160017(INDIA) 2/ Survey No - 374, Gundalamachnoor Village, Hathnoor Mandal, Gundla Machanur Road, Medak District, Telangana 502296, India	1/ India 2/ India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Fabapoxim 50	VD-15810-11	11/07/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Cefpodoxime proxetil	USP38	1/ Parabolic drugs ltd-INDIA 2/ Covalent Laboratories Private Ltd.	1/ SCO 99-100, Level III & IV, Sector 17-B, Chandigarh - 160017(INDIA) 2/ Survey No - 374, Gundalamachnoor Village, Hathnoor Mandal, Gundla Machanur Road, Medak District, Telangana 502296, India	1/ India 2/ India
Firstlexin	VD-15812-11	14/10/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Cephalexin	ĐĐVN IV / BP2016	1/NCPC Hebei Huamin Pharmaceutical Co., Ltd. 2/Zhejiang Anglikang Pharmaceutical Co., Ltd. -China. 3/ Aurobindo Pharma Limited	1/ No. 18, Yangzi Road, Shijiazhuang Economic & Technological Development Zone, Hebei, P.R.China 2/ No.1000 North Shengzhou Ave Shengzhou, Zhejiang, 312400 China 3/ Plot No.2 , Maltrivihar Complex, Hyderabad – 500 038, India	1/ China 2/ China 3/ India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Firstlexin (Cephalexin 250mg)	VD-15813-11	14/10/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Cephalexin	ĐBVN IV / BP2016	1/NCPC Hebei Huamin Pharmaceutical Co., Ltd. 2/Zhejiang Anglikang Pharmaceutical Co., Ltd. -China. 3/ Aurobindo Pharma Limited	1/ No. 18, Yangzi Road, Shijiazhuang Economic & Technological Development Zone, Hebei, P.R.China 2/ No.1000 North Shengzhou Ave Shengzhou, Zhejiang, 312400 China 3/ Plot No.2 , Maltrivihar Complex, Hyderabad – 500 038, India	1/ China 2/ China 3/ India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Firstlexin 250	VD-15814-11	14/10/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Cephalexin	ĐBVN IV / BP2016	1/NCPC Hebei Huamin Pharmaceutical Co., Ltd. 2/Zhejiang Anglikang Pharmaceutical Co., Ltd. -China. 3/ Aurobindo Pharma Limited	1/ No. 18, Yangzi Road, Shijiazhuang Economic & Technological Development Zone, Hebei, P.R.China 2/ No.1000 North Shengzhou Ave Shengzhou, Zhejiang, 312400 China 3/ Plot No.2 , Maltrivihar Complex, Hyderabad – 500 038, India	1/ China 2/ China 3/ India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Firstlexin 500	VD-15815-11	14/10/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Cephalexin	ĐBVN IV / BP2016	1/NCPC Hebei Huamin Pharmaceutical Co., Ltd.	1/ No. 18, Yangzi Road, Shijiazhuang Economic & Technological Development Zone, Hebei, P.R.China	1/ China
						2/Zhejiang Anglikang Pharmaceutical Co., Ltd. -China.	2/ No.1000 North Shengzhou Ave Shengzhou, Zhejiang, 312400 China	2/ China
						3/ Aurobindo Pharma Limited	3/ Plot No.2 , Maltrivihar Complex, Hyderabad – 500 038, India	3/ India
Gasterol (Hydrocortison natri succinat tương đương Hydrocortison 100mg)	VD-15820-11	11/07/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Hydrocortisone Sodium succinate	NSX	1/Crystal pharma - Spain	1/ Parque Tecnologico de Boecillo. Parcela 105.47.151 Poecillo Valladolid - Spain	1/Spain
						2/ BIOFER S.p.A.	2/ Via Canina, 2 - 41036 Medolla (MO) ITALY	2/ Italy

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Lady-Gynax	VD-15821-11	11/07/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Nystatin	BP2016/ USP38	1/ Vuab phar a.s - Czech Republic 2/ Antibiotice SA- Romania 3/ DSM- The United Kingdom	1/ Vltavska 53,252 63 Roztoky Czech Republic 2/ 1, Valea Lupulu street lasi 707410 Romania 3/ Dalry Ayshire- Scotland	1/ Czech Republic 2/ Romania 3/ The United Kingdom

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Lansoprasol 15	VD-15822-11	11/07/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Lansoprazole	NSX	1/ Amoli Organics pvt. ltd - India. 2/ Smilax laboratories limited - India 3/ Zen biotech pvt. ltd - India	1/ 407, Dalamal House Jamnalal Bajaj Rd, Nariman Point Mumbai Maharashtra - India 2/ Banjara Hills, Hyderabad, Telangana 3/ Plot No. 195/4, Phase- II, Sector-3, Line 7, IDA, Cherapally, Hyderabad - 500051, Telangana, India	1/ India 2/ India 3/ India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Lansoprasol 30	VD-15823-11	11/07/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Lansoprazole	NSX	1/ Amoli Organics pvt. ltd - India. 2/ Smilax laboratories limited - India 3/ Zen biotech pvt. ltd - India	1/ 407, Dalamal House Jamnalal Bajaj Rd, Nariman Point Mumbai Maharashtra - India 2/ Banjara Hills, Hyderabad, Telangana 3/ Plot No. 195/4, Phase- II, Sector-3, Line 7, IDA, Cherapally, Hyderabad - 500051, Telangana, India	1/ India 2/ India 3/ India
Midakacin 250	VD-15824-11	14/10/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Amikacine sulfate	EP8	QiluTianhe Pharmaceutical Co., Ltd. - China	849 Dongjia Tow, Licheng District, Jinan Shandong, P.R China 250105	China
midakacin 500	VD-15825-11	14/10/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Amikacine sulfate	EP8	QiluTianhe Pharmaceutical Co., Ltd. - China	849 Dongjia Tow, Licheng District, Jinan Shandong, P.R China 250105	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Gastrotac	VD-15826-11	14/10/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Pantoprazol sodium sterile	CP 2005	1/ Moehs Cantabria SL - Spain 2/ Sterile India Pvt.Ltd - India	1/ Pol. Industrial Requejada – 39313 Polanco (Cantabria) 2/ Plot No-100, sec- 56 phase- IV, HSIIDC, Kundli, Sonapat-131028 Haryana, India	1/ Spain 2/ India
Spiramycin 1.5M.I.U	VD-15828-11	11/07/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Spiramycin	ĐBVN IV / BP2016	1/ Wuxi Fortune Pharmaceutical Co., Ltd.-China. 2/Henan Topfond Pharmaceutical Co., Ltd.-China.	1/ No.257, Xicheng Road, Wuxi, Jiangsu 214041 2/ No. 2, Guangming Road, Yicheng, Zhumadian, Henan, China	1/ China 2/ China
Spiramycin 3 M.I.U	VD-15829-11	11/07/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Spiramycin	ĐBVN IV / BP2016	1/ Wuxi Fortune Pharmaceutical Co., Ltd.-China. 2/Henan Topfond Pharmaceutical Co., Ltd.-China.	1/ No.257, Xicheng Road, Wuxi, Jiangsu 214041 2/ No. 2, Guangming Road, Yicheng, Zhumadian, Henan, China	1/ China 2/ China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Streptomycin 1g	VD-15830-11	14/10/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Streptomycin sulfate Sterile	EP8/ BP2016	1/ Hebei Shengxue Dacheng Pharmaceutical Co., Ltd. - China. 2/ North China Pharmaceutical Huasheng Co.,Ltd.-China	1/- Shengxue road 50, luancheng, shijiazhuang 051430, china 2/No.8 Yangzi Lu, Liangcun Development Zone, Shijiazhuang, Hebei, China (Mainland)	1/China 2/China
Bravine Inmed	VD-15832-11	13/10/2016	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Cefdinir	USP38	1/ Nectar lifesciences ltd- India 2/Parabolic drugs ltd INDIA 3/ Covalent Laboratories Private Limited	1/ Village Saidpura, Tehsil Derabassi, District S.A.S Nagar (Mohali) 2/ SCO 99-100, Level III & IV, Sector 17-B, Chandigarh - 160017, INDIA. 3/ Factory: Survey No. 374, Gundla Machanoor Village, Hathnoor mandal, Medal Dist - 502 296, Telangana, India	1/ India 2/ India 3/ India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Trikadinir	VD-15833-11	11/07/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Cefdinir	USP38	1/ Nectar lifesciences ltd- India 2/Parabolic drugs ltd INDIA 3/ Covalent Laboratories Private Limited	1/ Village Saidpura, Tehsil Derabassi, District S.A.S Nagar (Mohali) 2/ SCO 99-100, Level III & IV, Sector 17-B, Chandigarh - 160017, INDIA. 3/ Factory: Survey No. 374, Gundla Machanoor Village, Hathnoor mandal, Medal Dist - 502 296, Telangana, India	1/ India 2/ India 3/ India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Trikadinir 100	VD-15834-11	11/07/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Cefdinir	USP38	1/ Nectar lifesciences ltd- India 2/Parabolic drugs ltd INDIA 3/ Covalent Laboratories Private Limited	1/ Village Saidpura, Tehsil Derabassi, District S.A.S Nagar (Mohali) 2/ SCO 99-100, Level III & IV, Sector 17-B, Chandigarh - 160017, INDIA. 3/ Factory: Survey No. 374, Gundla Machanoor Village, Hathnoor mandal, Medal Dist - 502 296, Telangana, India	1/ India 2/ India 3/ India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Trikadinir 300	VD-15835-11	11/07/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Cefdinir	USP38	1/ Nectar lifesciences ltd- India	1/ Village Saidpura, Tehsil Derabassi, District S.A.S Nagar (Mohali)	1/ India
						2/Parabolic drugs ltd INDIA	2/ SCO 99-100, Level III & IV, Sector 17-B, Chandigarh - 160017, INDIA.	2/ India
						3/ Covalent Laboratories Private Limited	3/ Factory: Survey No. 374, Gundla Machanoor Village, Hathnoor mandal, Medak Dist - 502 296, Telangana, India	3/ India
Trikazim	VD-15836-11	11/07/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Ceftazidime with Sodium carbonate (Sterile Ceftazidime with Sodium carbonate)	USP38	1/ Qilu Antibiotics Pharmaceutical Co, Ltd. - China	1/No 849 Dongjia Town, Licheng dist, Jinan, China	1/China
						2/ Harbin Pharmaceutical Group Co.,Ltd- China	2/2 Longshun st, Nangang No188 Gongnong road	2/China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Aspirin 81mg	VD-15899-11	28/11/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Rhodine 2080-A Crystal/Aspirin - Acetylsalicylic Acid	USP38/39	NOVACYL (THAILAND) LTD	321 Bangpoo Industrial Estate, Moo 4, Sukhumvit Road, Praeksa, Muang, Samutprakarn 10280 - Thailand	THAILAN D
Dosen 250 mg	VD-15900-11	28/11/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Cefalexin monohydrate (Purilex compacted)	EP8/9 USP37→39 BP2015→2017	DSM SINOCHEM PHARMACEUTI CALS (ZIBO) CO., LTD	No 1033, Mu Long Shan Road, High & New Technology Industrial Development Zone, Zibo Shandong, P.R China	CHINA
Dosen 250 mg	VD-15900-11	28/11/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Cefalexin monohydrate (Purilex compacted)	USP37→39 BP2014→2017 EP7→9	DSM SINOCHEM PHARMACEUTI CALS SPAIN S.A	Calle Ripolles, 2 Poligono Industrial Urvasa, Sta Perpetua de Mogoda, 08130 Barcelona, Spain	SPAIN
Dosen 250 mg	VD-15900-11	28/11/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Cefalexin monohydrate compacted	BP2013→2017	NCPC HEBEI HUAMIN PHARMACEUTI CAL CO., LTD	No.18, Yangzi Road, Shijiazhuang Economic & Technological Development Zone, Hebei, P.R - China	CHINA

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Dosen 250 mg	VD-15900-11	28/11/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Cefalexin monohydrate compacted	BP2013→2017	ZHEJIANG ANGLIKANG PHARMACEUTI CAL CO., LTD	1000 North Shengzhou Avenue, Shengzhou, Zhejiang, China	CHINA
Dosen 250 mg	VD-15900-11	28/11/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Cefalexin monohydrate compacted	BP2015→2017	AUROBINDO PHARMA LTD	Unit-XI, Survey No.1/22, 2/1 to 5,6 to 18, 61 to 69, Pydibhimavaram-532 409, Ranasthalam, Srikakulam Dist, A.P, India	INDIA
Dosen 250 mg	VD-15900-11	28/11/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Cephalexin (Cephalexin monohydrate)	BP2012→2017	LUPIN LIMITED	Unit-1, 198-202 New Industrial Area No. 2, Mandideep - 462046, District: Raisen [M.P] India	INDIA
Dosen 250 mg	VD-15901-11	28/11/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Cefalexin monohydrate (Purilex compacted)	EP8/9 USP37→39 BP2015→2017	DSM SINOCHEM PHARMACEUTI CALS (ZIBO) CO., LTD	No 1033, Mu Long Shan Road, High & New Technology Industrial Development Zone, Zibo Shandong, P.R China	CHINA
Dosen 250 mg	VD-15901-11	28/11/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Cefalexin monohydrate (Purilex compacted)	USP37→39 BP2014→2017 EP7→9	DSM SINOCHEM PHARMACEUTI CALS SPAIN S.A	Calle Ripolles, 2 Poligono Industrial Urvasa, Sta Perpetua de Mogoda, 08130 Barcelona, Spain	SPAIN

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Dosen 250 mg	VD-15901-11	28/11/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Cefalexin monohydrate compact	BP2013→2017	NCPC HEBEI HUAMIN PHARMACEUTI CAL CO., LTD	No.18, Yangzi Road, Shijiazhuang Economic & Technological Development Zone, Hebei, P.R - China	CHINA
Dosen 250 mg	VD-15901-11	28/11/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Cefalexin monohydrate compact	BP2013→2017	ZHEJIANG ANGLIKANG PHARMACEUTI CAL CO., LTD	1000 North Shengzhou Avenue, Shengzhou, Zhejiang, China	CHINA
Dosen 250 mg	VD-15901-11	28/11/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Cefalexin monohydrate compact	BP2015→2017	AUROBINDO PHARMA LTD	Unit-XI, Survey No.1/22, 2/1 to 5,6 to 18, 61 to 69, Pydibhimavaram-532 409, Ranasthalam, Srikakulam Dist, A.P, India	INDIA
Dosen 250 mg	VD-15901-11	28/11/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Cephalexin (Cephalexin monohydrate)	BP2012→2017	LUPIN LIMITED	Unit-1, 198-202 New Industrial Area No. 2, Mandideep - 462046, District: Raichur [M.P] India	INDIA
Dosen 500 mg	VD-15902-11	28/11/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Cefalexin monohydrate (Purilex compact)	EP8/9 USP37→39 BP2015→2017	DSM SINOCHEM PHARMACEUTI CALS (ZIBO) CO., LTD	No 1033, Mu Long Shan Road, High & New Technology Industrial Development Zone, Zibo Shandong, P.R China	CHINA

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Dosen 500 mg	VD-15902-11	28/11/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Cefalexin monohydrate (Purilex compacted)	USP37→39 BP2015→2017 EP7→9	DSM SINOCHEM PHARMACEUTI CALS SPAIN S.A	Calle Ripolles, 2 Poligono Industrial Urvasa, Sta Perpetua de Mogoda, 08130 Barcelona, Spain	SPAIN
Dosen 500 mg	VD-15902-11	28/11/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Cefalexin monohydrate compacted	BP2013→2017	NCPC HEBEI HUAMIN PHARMACEUTI CAL CO., LTD	No.18, Yangzi Road, Shijiazhuang Economic & Technological Development Zone, Hebei, P.R - China	CHINA
Dosen 500 mg	VD-15902-11	28/11/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Cefalexin monohydrate compacted	BP2013→2017	ZHEJIANG ANGLIKANG PHARMACEUTI CAL CO., LTD	1000 North Shengzhou Avenue, Shengzhou, Zhejiang, China	CHINA
Dosen 500 mg	VD-15902-11	28/11/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Cefalexin monohydrate compacted	BP2015→2017	AUROBINDO PHARMA LTD	Unit-XI, Survey No.1/22, 2/1 to 5,6 to 18, 61 to 69, Pydibhimavaram-532 409, Ranasthalam, Srikakulam Dist, A.P, India	INDIA
Dosen 500 mg	VD-15902-11	28/11/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Cephalexin (Cephalexin monohydrate)	BP2012→2017	LUPIN LIMITED	Unit-1, 198-202 New Industrial Area No. 2, Mandideep - 462046, District: Raichur [M.P] India	INDIA

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Cefalexin 500 mg	VD-15903-11	28/11/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Cefalexin monohydrate (Purilex compacted)	EP8/9 USP37→39 BP2015→2017	DSM SINOCHEM PHARMACEUTI CALS (ZIBO) CO., LTD	No 1033, Mu Long Shan Road, High & New Technology Industrial Development Zone, Zibo Shandong, P.R China	CHINA
Cefalexin 500 mg	VD-15903-11	28/11/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Cefalexin monohydrate (Purilex compacted)	USP37→39 BP2014→2017 EP7→9	DSM SINOCHEM PHARMACEUTI CALS SPAIN S.A	Calle Ripolles, 2 Poligono Industrial Urvasa, Sta Perpetua de Mogoda, 08130 Barcelona, Spain	SPAIN
Cefalexin 500 mg	VD-15903-11	28/11/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Cefalexin monohydrate compacted	BP2013→2017	NCPC HEBEI HUAMIN PHARMACEUTI CAL CO., LTD	No.18, Yangzi Road, Shijiazhuang Economic & Technological Development Zone, Hebei, P.R - China	CHINA
Rabeflex	VD-14441-11	17/10/2017	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Trung ương Vidipha tỉnh Bình Dương	Rabeprazol natri	NSX	Metrochem API Private Limited	Plot No 62/C/6, Pipe Line road, Phase-I, IDA, Jeedimelta. Hyderabad- 500055, T.S	India
Cefalexin 500 mg	VD-15903-11	28/11/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Cefalexin monohydrate compacted	BP2013→2017	ZHEJIANG ANGLIKANG PHARMACEUTI CAL CO., LTD	1000 North Shengzhou Avenue, Shengzhou, Zhejiang, China	CHINA

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Cefalexin 500 mg	VD-15903-11	28/11/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Cefalexin monohydrate compacted	BP2015→2017	AUROBINDO PHARMA LTD	Unit-XI, Survey No.1/22, 2/1 to 5,6 to 18, 61 to 69, Pydibhimavaram-532 409, Ranasthalam, Srikakulam Dist, A.P, India	INDIA
Cefalexin 500 mg	VD-15903-11	28/11/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Cephalexin (Cephalexin monohydrate)	BP2012→2017	LUPIN LIMITED	Unit-1, 198-202 New Industrial Area No. 2, Mandideep - 462046, District: Raichur [M.P] India	INDIA
Esomez	VD-15904-11	28/11/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	N acetyl - L - cysteine	USP37→39	WUHAN GRAND HOYO CO., LTD	No.1 Industrial Park, Gedian Economy, Develop Zone, E'Zhou City, Hubei - China	CHINA
Irbesartan 150 mg	VD-15905-11	28/11/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Irbesartan	USP38/39	ZHEJIANG HUAHAI PHARMACEUTI CAL CO., LTD	Chuannan, Duqiao, Linhai Zhejiang 317016 China	CHINA
Irbesartan 150 mg	VD-15905-11	28/11/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Irbesartan	USP38/39	CADILA PHARMACEUTI CALS LIMITED	3203, G.I.D.C., Estate, Ankleshwar - 393 002 Gujarat, India	INDIA

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Maxdotyl	VD-15906-11	28/11/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Sulpiride	EP7→9	JIANGSU TASLY DIYI PHARMACEUTI CAL CO, LTD	No. 168 West Chaoyang Road, Qingpu Industrial park, Huaian, Jiangsu, China	CHINA
Prednison 5 mg	VD-15907-11	28/11/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Prednisone	USP38/39	HENAN LIHUA PHARMACEUTI CAL CO., LTD	Middle of Huanghe Street, Anyang Hi-Tech Industry Development zone Henan-China	CHINA
Hasanbest 500/2,5	VD-15927-11	12/12/2017	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Metformin hydrochloride	EP 7 EP 8 EP 9	Wanbury Limited	A-15, Patalganga M.I.D.C, Taluka: Khalapur, District: Raigad, 410 220 Maharashtra State	India
Hasanbest 500/2,5	VD-15927-11	12/12/2017	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Glibenclamide	EP 7 EP 8 EP 9	Dipharma Francis S.r.l.	Via Bissone 5, 20021 Baranzate (Milan)	Italy
Hasan-C 1000	VD-15928-11	12/12/2017	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Ascorbic acid	EP 7 EP 8 EP 9	DSM Nutritional Products (UK) Ltd	Drakemyre, Dalry, Ayrshire Scotland, KA24 5JJ	United Kingdom

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Cotrimoxazol 960	VD-16039-11	30/12/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Sulfamethoxazole	DĐVN IV / BP2016	1/ Virchow laboratories ltd - India 2/ Shouguang Fukang Pharmaceutical Co., Ltd	1/ Plot No.4 to 10, S..V.Co-OP.Ind, Estate I.D.A J Jeedimetla, Hyderabad - 500 055 India 2/ North-East of Dongwaihuan, Road, Dongcheng Industrial Area, Shouguang City, 262700, Shandong, Province, P.R. of China.	1/ India 2/ China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Cotrimoxazol 960	VD-16039-11	30/12/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Trimethoprim	ĐỀVN IV / BP2016	1/ Shouguang Fukang Pharmaceutical Co., Ltd	1/ North-East of Dongwaihuan, Road, Dongcheng Industrial Area, Shouguang City, 262700, Shandong, Province, P.R. of China.	1/ China
						2/ Shandong rongyuan pharmaceutical co., ltd - China	2/ 18FL, vegetable building, shouguang, shandong,china	2/ China
						3/ Andhra organics ltd - India	3/ Industrial Development Area, Pydibimavaram, Andhra Pradesh 532409, India	3/ India
Cedodime 100 mg	VD-16122-11	30/12/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Cefpodoxime/Cefp odoxime proxetil Powder	USP38/39	AUROBINDO PHARMA LTD	Unit-XI Survey No.1/22, 2/1 to 5,6 to 18, 61 to 69, Pydibhimavaram-532 409, Ranasthali mandal, Srikakulam, Srikakulam Dist, A.P, India	INDIA

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Cedodime 100 mg	VD-16122-11	30/12/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Cefpodoxime/Cefp odoxime proxetil Powder	USP35→39	ORCHID PHARMA LIMITED	Plot Nos 121-128, 128A- 133, 138-151, 159-164, SIDCO Industrial Estate, Alathur, Kancheepuram District- 603 110, Tamilnadu- India	INDIA
Cedodime 100 mg	VD-16122-11	30/12/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Cefpodoxime/Cefp odoxime proxetil Powder	USP37→39	NECTAR LIFESCIENCES LTD- INDIA	Vill.Saidpura. Tehsil- Derabassi, Distt.Mohali (Pb)-India	INDIA
Dopagan	VD-16124-11	30/12/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Paracetamol	EP8/9 USP38/39	MALLINCKRO DT INC.	Raleigh Pharmaceutical Plant 8801 Capital Boulevard Raleigh, NC 27616-3116, USA	USA
Dopagan	VD-16124-11	30/12/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Paracetamol	BP2014→2017	ANQIU LU'AN PHARMACEUTI CAL CO., LTD	No. 35, Weixu North Road, Anqiu, Shandong China	CHINA

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Dopagan	VD-16124-11	30/12/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Paracetamol	USP36→39 BP2012→2017	HEBEI JIHENG (GROUP) PHARMACEUTI CAL CO., LTD	No.368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Province, 053000 P.R. China	CHINA
Dopagan 150 Effervescent	VD-16125-11	30/12/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Paracetamol	EP8/9 USP38/39	MALLINCKRO DT INC.	Raleigh Pharmaceutical Plant 8801 Capital Boulevard Raleigh, NC 27616-3116, USA	USA
Dopagan 150 Effervescent	VD-16125-11	30/12/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Paracetamol	BP2014→2017	ANQIU LU'AN PHARMACEUTI CAL CO., LTD	No. 35, Weixu North Road, Anqiu, Shandong China	CHINA
Dopagan 150 Effervescent	VD-16125-11	30/12/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Paracetamol	USP36→39 BP2012→2017	HEBEI JIHENG (GROUP) PHARMACEUTI CAL CO., LTD	No.368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Province, 053000 P.R. China	CHINA
Dopagan 250 Effervescent	VD-16126-11	30/12/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Paracetamol	EP8/9 USP38/39	MALLINCKRO DT INC.	Raleigh Pharmaceutical Plant 8801 Capital Boulevard Raleigh, NC 27616-3116, USA	USA

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Dopagan 250 Effervescent	VD-16126-11	30/12/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Paracetamol	BP2014→2017	ANQIU LU'AN PHARMACEUTI CAL CO., LTD	No. 35, Weixu North Road, Anqiu, Shandong China	CHINA
Dopagan 250 Effervescent	VD-16126-11	30/12/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Paracetamol	USP36→39 BP2012→2017	HEBEI JIHENG (GROUP) PHARMACEUTI CAL CO., LTD	No.368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Province, 053000 P.R. China	CHINA
Dopagan 80 Effervescent	VD-16127-11	30/12/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Paracetamol	EP8/9 USP38/39	MALLINCKRO DT INC.	Raleigh Pharmaceutical Plant 8801 Capital Boulevard Raleigh, NC 27616-3116, USA	USA
Dopagan 80 Effervescent	VD-16127-11	30/12/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Paracetamol	BP2014→2017	ANQIU LU'AN PHARMACEUTI CAL CO., LTD	No. 35, Weixu North Road, Anqiu, Shandong China	CHINA
Dopagan 80 Effervescent	VD-16127-11	30/12/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Paracetamol	USP36→39 BP2012→2017	HEBEI JIHENG (GROUP) PHARMACEUTI CAL CO., LTD	No.368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Province, 053000 P.R. China	CHINA
Doropycin 750.000 IU	VD-16128-11	30/12/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Spiramycin (Spiramycin base)	EP7→9	WUXI FORTUNE PHARMACEUTI CAL CO., LTD.	No. 2 Rongyang 1ST Road, Xishan Economic Zone, Wuxi City, Jiangsu Province, China	CHINA

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Doropycin 750.000 IU	VD-16128-11	30/12/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Spiramycin (Spiramycin base)	EP7→9	TOPFOND PHARMACEUTI CAL CO., LTD	No.1199 Jiaotong Poad(West), Yicheng District Zhumadian, Henan Province China	CHINA
Doxycyclin	VD-16130-11	30/12/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Doxycycline hyclate	EP8/9	YANGZHOU LIBERTY PHARMACEUTI CAL CO., LTD	22, Yangli Road, Yangzhou, Jiangsu- China	CHINA
Loratadin 10 mg	VD-16131-11	30/12/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Loratadine/Loratadi ne (Micronized)	USP36→39	MOREPEN LABORATORIE S LIMITED	Morepen Village, Nalagarh Road, Near Baddi, Distt Solan. (H.P.) 173205, India	INDIA
Loratadin 10 mg	VD-16131-11	30/12/2017	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Loratadine/Loratadi ne (Micronized)	USP37→39	VASUDHA PHARMA CHEM LIMITED	Unit-II, Plot No.79, Jawaharlal Nehru Pharma City, Parawada, Visakhapatnam-531 019, India	INDIA
EYEBI	VD-15606-11	21/12/2017	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Dl-alpha tocopheryl acetate	USP 32	SOUTHWEST SYNTHETIC PHARMACEUTI CAL CORP., LTD.	Luoqi, Yubei District, Chonqing China	China
PHILACENAL	VD-15604-11	30/12/2017	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	L-cystine	USP 32	Pharmazell Private Ltd	Plot No. B5/B6 A1/A2 MEP2 Tambaran Chennai 600045 Inida	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
PHILACENAL	VD-15604-11	30/12/2017	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Cholin bitartrat	USP 32	ALGRY QUÍMICA. S. L	Pol. Ind. Nuevo Puerto 21810 Palos de la Frontera (Huelva) Spain	SPAIN
PHILBIBIF DAY	VD-15605-11	30/12/2017	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Acetaminophen	USP 31	Hebei Jihengp) (Gro Pharmaceutical Co., LT	No. 368 Jianshe Strêet, Hengshui City, Hebei Province, 053000, P.R, China	China
PHILBIBIF DAY	VD-15605-11	30/12/2017	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Dextromethorphan HBr	USP 31	Wockhardt Limited	Plot No. 138, GIDC Estate Ankleshwar 393002 Dist. Bharuch Guarat India	India
PHILBIBIF DAY	VD-15605-11	30/12/2017	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Phenylephrin HCl	USP 31	Shenzhen HappyPharmaceu tical LTD	Romo1506, Waimao QuingGong Building, No. 1002 Aiguo Road, Louhu District Shenzhen, China	China
PRELONE	VD-15607-11	30/12/2017	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Dutasteride	NSX	MSN Laboratories Pvt Ltd	Sy No- 317& 323, Rudraram (Village), Patancheru (Mandal), Medak Dist -502 329 Telangana, INDIA	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
SEOULCIGENOL	VD-15608-11	30/12/2017	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Thiamin nitrat	USP 32	JIANGXI TIANXIN PHARMACEUTI CAL CO., LTD.	Le' anjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, 333300. China	China
SEOULCIGENOL	VD-15608-11	30/12/2017	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Pyridoxin HCl	USP 32	JIANGXI TIANXIN PHARMACEUTI CAL CO., LTD.	Le' anjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, 333300. China	China
SEOULCIGENOL	VD-15608-11	30/12/2017	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Riboflavin	USP 32	CHIFENG PHARMACEUTI CAL CO., LTD	84 Yidong street,Hongshan district,Chifeng,Inner Mongolia	China
SEOULCIGENOL	VD-15608-11	30/12/2017	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Nicotinamid	USP 32	TIANJIN ZHONGRUI PHARMACEUTI CAL CO. LTD.	Eastern Beihuan Road, Chengguan Town Wuqing Dist. Tianjin City China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
SEOULCIGENOL	VD-15608-11	30/12/2017	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Calci pantothenat	USP 32	ZHEJIANG HANGZHOU XINFU HARMACEUTI CAL CO., LTD.	Linglong Economical Arre Linan Hangzhou Shejiang 311301 p.r, China	China
ALVERSIME	VD-15933-11	30/12/2017	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Alverin citrat	USP 32	. Shanxi xin baoyuan.	BeiHouQi CheWeiXiu ZhongXin, NanCheng District, TaiYuan, Shanxi	China
ALVERSIME	VD-15933-11	30/12/2017	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Simethicon	USP 32	SS PHARMA CO., LTD.	10, Beomjigi-ro 141beon-gil, Danwon- gu, Ansan-si, Gyeonggi- do, Korea	KOREA
BLUEMINT	VD-15934-11	30/12/2017	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	L-cystin	BP 2008	Shijiang zhuang ShixingAmino Acid Co., LTD	Jiacun Indu. Zone, Gaocheng City, Hebei, China	China
CAORIN	VD-15935-11	30/12/2017	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Calcitriol	USP 31	BIOCOMPOUN DS PHARMACEUTI CAL INC.	Building C7, No. 3802 Shengang Rd., Xinfei Corporation Home Songjiang, Shanghai, 201611, China	CHINA

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
CAORIN	VD-15935-11	30/12/2017	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Calci lactat	USP 31	Nantong Feiyu Fine Chemical Co., Ltd	The Northern Pingchao Town, Nantong City, Jiangsu, China 226364	China
CAORIN	VD-15935-11	30/12/2017	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Magnesi oxyd	USP 31	1. American Pharmaceutical & Health Product Inc 2. Dr. Paul Lohmann	1. 2240 Stoney Point Farms Rd, Cumming GA 30041 USA 2. Hauptstrasse 2 31860 Emmerthal/Germany	1. USA 2. Germany
CAORIN	VD-15935-11	30/12/2017	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Zinc oxyd	USP 31	Canton	110-A&B, GIDC Estate, Makarpura Baroda -390 010 India	India
CIMEVERIN	VD-15936-11	30/12/2017	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Alverin citrat	USP 32	. Shanxi xin baoyuan.	BeiHouQi CheWeiXiu ZhongXin, NanCheng District, TaiYuan, Shanxi	China
CIMEVERIN	VD-15936-11	30/12/2017	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Simethicon	USP 32	Basildon Chemical Company Limited	Kimber Road, Abingdon Oxon OX14 1RZ United Kindom	United Kindom
ISOIN	VD-15938-11	30/12/2017	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Acid valproic	USP 31	ROAQ CHEMICALS PTV. LTD.	41/B-5, G.I.D.C. Estate, Nandesari Dist, Vadodara-391340	INDIA

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
MAIPOCHI	VD-15939-11	30/12/2017	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Tocopherol acetat	USP 32	BASF SE	Carl-Bosch-Str.38 67056 Ludwigshafen, Germany	Germany
MAIPOCHI	VD-15939-11	30/12/2017	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Magnesi oxyd	USP 32	American Pharmaceutical & Health Product Inc	2240 Stoney Point Farms Rd, Cumming GA 30041 USA	USA
PHILIPACOL	VD-15943-11	30/12/2017	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Acetaminophen	USP 31	Anqiu LuD'an Pharmaceutical Co., LT	No. 35 Weixu North Road, Anqiu Shandong, China	China
PHILIPACOL	VD-15943-11	30/12/2017	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Chlorpheniramin maleat	USP 31	Supriya Lifescience	A5/2 Lote Parshuran Industrial Are, MIDC Tal-Khed, Dist. Ratnagiri 415 722, Maharashtra, India	India
PHILIPACOL	VD-15943-11	30/12/2017	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Dextromethorphan HBr	USP 31	Wockhardt Limited	Plot No. 138, GIDC Estate Ankleshwar 393002 Dist. Bharuch Guarat India	India
PHILIPACOL	VD-15943-11	30/12/2017	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Phenylephrin HCl	USP 31	Shenzhen HappyPharmaceu tical LTD	Romo1506, Waimao QuingGong Building, No. 1002 Aiguo Road, Louhu District Shenzhen, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
PHILOTENE	VD-15944-11	30/12/2017	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Lutein	NSX	SHAANXI YUANBANG BIO-TECH CO., LTD.	Rm1007 Building B, Huixin IBC, No. 1 Zhangba 1st rd, 710075, Xi'an, China	China
PHILOTENE	VD-15944-11	30/12/2017	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Vitamin E	USP 30	ZHEJIANG WORLDBESTV E BIOTECHNOLO GY CO., LTD	158 Xinqiao Shanbei, Lanjiang ST, Lanxi city, Zhejiang 321103, China	China
PHILOTENE	VD-15944-11	30/12/2017	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Zeaxanthin	NSX	SHAANXI YUANBANG BIO-TECH CO., LTD.	Rm1007 Building B, Huixin IBC, No. 1 Zhangba 1st rd, 710075, Xi'an, China	CHINA
KIDECONT 0.25µg	VD-15601-11	28/11/2017	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Alfacalcidol	BP 2007	NISSHIN PHARMA INC.	751 Kamishiojiri, Uedashi, Nagano 386- 0042, Japan	JAPAN
PHILOTENE	VD-15944-11	30/12/2017	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Vitamin A /RETINOL PALMITATE	USP 30	Zhejiang Nhu Company LTD	Hangzhou Gulf Shangyu Industrial Zone, Zhejiang Province, China	China
Kacystein	VD-15152-11	23/08/2017	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	N-Acetyl-L- Cysteine	USP 37, 38, 39	Wuhan Grand Hoyo Co., Ltd.	No.1, Industrial park, Gedian Economy Develop zone, E'Zhou City, Hubei, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Kacystein	VD-15152-11	23/08/2017	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	N-Acetyl-L- Cysteine	USP 35	Ningbo Yuanfa Bioengineering Co., Ltd.	Fanshidu Village, Jiangshan, Yinzhou District, Ningbo, China	China
Vitamin PP	VD-15156-11	23/08/2017	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Nicotinamide	USP 36	Second Pharma Co., Ltd	No.33 Weiwu Road, Hangzhou Gulf Fine Chemical Zone Shangyu , Zhejiang 312369, P.R.China	China
Vitamin PP	VD-15156-11	23/08/2017	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Nicotinamide	USP 37	Tianjin Zhongrui Pharmaceutical Co., Ltd	Chengguan Town, Wuqing Dist, Tianjin, China	China
Vitamin PP	VD-15156-11	23/08/2017	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Nicotinamide	USP 38	Lasons India PVT. Ltd.	C-18, MIDC Taloja, 410208 New Mumbai Dist. - Raigad, India	India
Erythromycin	VD-15559-11	06/10/2017	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Erythromycin stearate	BP 2014	Linaria Chemical, Ltd.	309, Bangpoo Industrial Estate, Soi 6C, Sukhumvic Road, Moo 4, Tumbol Phrakse, Ampur Muan Samutprakan, Samutprakan, 10280, Thailand	Thailand

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Erythromycin	VD-15559-11	06/10/2017	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Erythromycin stearate	BP 2014	Linaria Chemical, Ltd.	309, Bangpoo Industrial Estate, Soi 6C, Sukhumvic Road, Moo 4, Tumbol Phrakse, Ampur Muan Samutprakan, Samutprakan, 10280, Thailand	Thailand
Tetracyclin 500mg	VD-15911-11	09/11/2017	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Tetracycline hydrochloride	EP 8/BP 2012	Ningxia Qiyuan Pharmaceutical Co.,Ltd	No.1 Qiyuan Street, Wangyuan Industrial Area, Yinchuan Ningxia China	China
Tetracyclin 500mg	VD-15911-11	09/11/2017	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Tetracycline hydrochloride	BP 2009/EP6/USP 32	North China Pharmaceutical Goodstar Co.,Ltd	High Tech Development Zone of Chengde, Hebei, P. R. China	China
Piroxicam	VD-15910-11	09/11/2017	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Piroxicam	BP 2015	Apex Healthcare Limited	4710, GIDC, Ankleshwar-393002, Gujarat, India	India
Piroxicam	VD-15910-11	09/11/2017	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Piroxicam	USP 37	Jintan Qian Yao Pharmaceutical Raw Material Factory	Zhuangcheng, Baita Town, Jintan City Jiangsu Province, China	China